TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80a/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 -2023
V/v Ly hôn, t/c về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Bà Lê Thị Hồng Nhan
2. Bà Phạm Thị Thu Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2023/TLST-HN ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông B vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ T trình bày:

Bà và ông B do quen biết tiến đến hôn nhân, có làm đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 được UBND xã T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng cách nay khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tiến nói chung, ông B thường hay nhậu nhẹt về ghen tuông, đánh bà, xúc phạm bà, không quan tâm vợ con nên vợ chồng hay cãi nhau, không còn yêu thương lo lắng, chăm sóc nhau, Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay, bà khuyên ông B nhưng ông không thay đổi. bà và ông B còn ở chung nhà nhưng đã ít

nói chuyện với nhau một thời gian dài. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông B. Khi ly hôn bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng giữa vợ chồng cho bà, bà cũng không cấp dưỡng cho ông B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2011, bà xin nuôi, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, hiện nay cháu N đang sống chung với bà và ông B, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà đang đi làm ngày cho người ta, bình quân mỗi tháng 6 triệu/ tháng có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung; Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của mình vắng mặt trong các lần tòa mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ T, bà T được ly hôn với ông B; Con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2011, bà T trực tiếp nuôi, ông B không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu; Tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly *hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre xác nhận ông Nguyễn Văn B hiện có đăng ký thường trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bà Phạm Thị Lệ T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T là phù hợp.

Ông Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân*: : Bà Phạm Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn B kết hôn vào năm 2018, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, bà T cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng cách nay khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tiến nói chung, ông B thường hay nhậu nhẹt về ghen tuông, đánh bà, xúc phạm bà, không quan tâm vợ con nên vợ chồng hay cãi nhau, không còn yêu thương lo lắng, chăm sóc nhau, Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay, bà khuyên ông B nhưng ông không thay đổi. bà và ông B còn ở chung nhà nhưng đã ít nói chuyện với nhau một thời gian dài. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông B. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa bà T và ông B thì chính quyền địa phương cho biết bà T và ông B mất hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Gia đình của bà T cho rằng, giữa bà T và ông B có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Như vậy, giữa bà T và ông B mâu thuẫn là có thật. Ông B đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gì về việc bà T xin ly hôn, chứng tỏ ông B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông, bà là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai ông, bà không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Bà T và ông B có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2011, bà T xin nuôi, bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, hiện nay cháu N đang sống chung với bà T và ông B.Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên cháu N có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy, Hiện nay cháu N đang sống với bà T và ông B, bà T cũng có điều kiện nuôi dạy cháu nên để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho cháu N, cháu N có nguyện vọng sống với bà T nên Hội đồng xét xử giao cháu N, cho bà T nuôi là phù hợp, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Bà T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Bà T trình bày không có nên không xem xét.

[7] *Án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định là 300.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Lệ T.

Bà Phạm Thị Lệ T được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. *Về con chung*: Bà T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2011, hiện nay cháu N đang sống chung với bà T và ông B, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84, điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình , Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà T trình bày không có nên không xem xét.

5. *Án phí*: Bà Phạm Thị Lệ T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002519 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Bến Tre (01b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (01b);*
- *UBND xã Tân Thành Bình (số 77 ngày 19/6/2010) (01b);*
- *Đương sự (02b);*
- *Lưu HS, VP (03b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Uyên